

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 5

MÔN: TIẾNG ANH 6 – FRIENDS PLUS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

LISTENING

Exercise 1: You are going to hear Nam talking about what he and his brother will do to prepare for Tet holiday, decide if the statements are true (T) or false (F).

- Nam and his brother feel tired when they prepare for Tet.
- Nam's brother likes to clean the floor.
- Nam will wash the dishes and clean the sofa.
- They have a washing machine.
- There is a big garden in front of their house.

VOCABULARY & GRAMMAR

Exercise 2: Choose the best answer A, B, C or D.

- “_____ do you visit your hometown?” – “Once every two or three months.”
A. How B. What C. How far D. How often
- The new instructor at the gym is excellent. He is very _____ with us.
A. good B. patient C. negative D. funny
- Linh has a fever after getting vaccinated. She _____ have a day off today.
A. musts B. mustn't C. should D. shouldn't
- The bigger the house is, the _____ furniture it needs.
A. more B. bigger C. larger D. less
- If you go hiking, you _____ wear good trainers instead of those sandals.
A. should B. shouldn't C. mustn't D. do
- There isn't _____ sugar in the jar. Can you go buy some for me, please?
A. a B. an C. any D. some
- There are _____ flowers in the garden. It's a gift from my dad for my mom's birthday.
A. a B. an C. any D. some
- Mike always rides his bike to school but today he _____ with us.
A. walked B. go C. going D. is walking
- “_____ is it from your house to your school?” – “About 3 kilometers.”
A. How far B. How C. What D. How many
- “Kate, _____ oranges do you need?” – About five.
A. How much B. How C. What D. How many
- She is coming _____ than I.
A. earlier B. more early C. early D. more earlier

17. His headache is now _____ than it was yesterday.

- A. bad B. worse C. more worse D. worst

18. My flat is _____ no. 23 Nguyen Minh Khai Street.

- A. on B. at C. in D. under

19. It takes us seven hours to go from this city _____ his hometown.

- A. on B. at C. to D. under

20. My brother _____ football with his friends at the park now.

- A. play B. is playing C. do D. is doing

Exercise 3: Read the passage and choose the best answer (A, B, C or D) to fill in the blanks.

Viet Nam is in the South-East Asia. It has (21) _____ of beautiful mountains, rivers and beaches. (22) _____ are two long rivers: the Red River in the north and the Mekong River in the (23) _____. The Mekong River is the (24) _____ river in the South-East Asia and of course it is longer than the Red River. Fansipan is (25) _____ mountain in Viet Nam. It is 3143 meters height. Viet Nam also has many nice beaches such as Tra Co, Sam Son, Nha Trang and Vung Tau.

21. A. many B. some C. a lot D. much
 22. A. They B. Their C. They're D. There
 23. A. south B. east C. west D. north
 24. A. long B. longest C. longer D. the longer
 25. A. high B. the higher C. higher D. the highest

Exercise 4: Read the passage then choose the best answer (A, B, C or D) to each question.

We all live in a society and are all bound to a neighbourhood. Neighbourhood is very important and it does definitely have an impact on what we are and how and where we live in. I live in a great and wonderful neighbourhood. It is very pleasant and has many facilities. With a good park nearby, making **it** the main attraction, our neighbourhood also has many other added bonuses. The grocery store is nearby which makes it easy for all residents to make an immediate purchase, we have a bus stop close by, so that people do not have to travel long for means of transportation. The park is what makes it a lot more beautiful as it is well maintained and makes it a gathering place for all my neighbours in the evening for chit chatting and playing for kids. There is good air and we enjoy the evenings while we are at this park.

26. According to the author, neighbourhood _____.

- A. is not too crucial to people.
 B. plays an important role in human's life.
 C. is the place where our ancestors lived.
 D. must have many facilities.
27. What does the word "**it**" in bold refer to?

- A. the park B. facilities C. the author's neighbourhood D. society

28. What is the main attraction of the neighbourhood?

- A. the bus stop B. the grocery C. the park D. the playground

29. The author's neighbourhood has many facilities and places except for _____.

- A. the bus stop B. the grocery C. the park D. the cinema

30. _____ close by helps the residents travel more easily.

- A. the bus stop B. the grocery C. the park D. the cinema

Exercise 5: Complete the sentences with the correct form of the word given.

31. A trip to Fan Si Pan is an (forget) _____ experience.

32. You must take an umbrella because it's (rain) _____ in Mui Ne at this time of year.

33. The lion is one of (fast) _____ animals that live on land.

34. A butterfly is more (colour) _____ than a monkey.

35. Walking across the desert is (bad) _____ experience I've ever had.

Exercise 6: Complete the second sentence so that it has the similar meaning to the first one.

36. The Nile is longer than any other river in the world.

→ The Nile

37. It is good for people to exchange New Year's wishes at Tet.

→ People

38. Leeds castle is the loveliest castle in the world.

→ No castle.....

39. My parents' room has a desk, chairs, a big bed and a computer.

→ There

40. We have a plan to visit our hometown next weekend.

→ We are

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban Chuyên môn Loigiaihay.com

1. F	2. T	3. F	4. T	5. F
6. D	7. B	8. A	9. A	10. A
11. C	12. D	13. D	14. A	15. D
16. A	17. B	18. B	19. C	20. B
21. C	22. D	23. A	24. B	25. D
26. A	27. A	28. C	29. D	30. A
31. unforgettable	32. rainy	33. the fastest	34. colourful	35. the worst

36. The Nile is the longest river in the world.

37. People should exchange New Year's wishes at Tet.

38. No castle in the world is lovelier than Leeds castle.

39. There is a desk, chairs, a big bed and a computer in my parents' room.

40. We are planning to visit your hometown next weekend.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Nam và anh trai cảm thấy mệt mỗi khi chuẩn bị đón Tết.

Thông tin: My brother and I are now very excited to prepare for Tet.

Tạm dịch: Tôi và anh trai hiện đang rất háo hức chuẩn bị đón Tết.

Đáp án: F.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Anh trai của Nam thích lau sàn.

Thông tin: He likes to clean the floor.

Tạm dịch: Anh ấy thích lau sàn.

Đáp án: T.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Nam sẽ rửa bát và lau ghế sofa.

Thông tin: I will then clean the sofa.

Tạm dịch: Sau đó tôi sẽ làm sạch ghế sofa.

Đáp án: F.

4.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Họ có máy giặt.

Thông tin: It's not hard because we have the washing machine.

Tạm dịch: Không khó vì chúng tôi có máy giặt.

Đáp án: T.

5.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Có một khu vườn lớn trước nhà của họ.

Thông tin: We have a small garden in front of our house and we always plant something new when Tet comes.

Tạm dịch: Chúng tôi có một khu vườn nhỏ trước nhà và chúng tôi luôn trồng một cái gì đó mới khi Tết đến.

Đáp án: F.

Audio script:

My brother and I are now very excited to prepare for Tet. First, I will sweep the floor and my brother will clean it. He likes to clean the floor. I will then clean the sofa. After that, he will wash the clothes. It's not hard because we have the washing machine. He will hang up the clothes because he's taller than me. Then we will plant some trees and flowers. We have a small garden in front of our house and we always plant something new when Tet comes.

Dịch bài nghe:

Tôi và anh trai hiện đang rất háo hức chuẩn bị đón Tết. Đầu tiên, tôi sẽ quét sàn và anh trai tôi sẽ lau nó. Anh ấy thích lau sàn. Sau đó tôi sẽ làm sạch ghế sofa. Sau đó, anh ấy sẽ giặt quần áo. Không khó vì chúng tôi có máy giặt. Anh ấy sẽ treo quần áo lên vì anh ấy cao hơn tôi. Sau đó, chúng tôi sẽ trồng một số cây và hoa. Chúng tôi có một khu vườn nhỏ trước nhà và chúng tôi luôn trồng một cái gì đó mới khi Tết đến.

6.

Kiến thức: Từ nghi vấn

Giải thích:

A. How: Như thế nào

B. What: Cái gì

C. How far: Bao xa

D. How often: Bao nhiêu lần (hỏi về tần suất)

Tạm dịch: "Bao lâu thì bạn về thăm quê hương của bạn?" - "Hai hoặc ba tháng một lần."

Đáp án D.

7.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. good (adj): tốt

B. patient (adj): kiên nhẫn

C. negative (adj): tiêu cực

D. funny (adj): hài hước

Tạm dịch: Người hướng dẫn mới tại phòng tập thể dục rất xuất sắc. Anh ấy rất kiên nhẫn với chúng tôi.

Đáp án B.

8.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

A. must + V(nguyên thể): phải làm gì

Động từ khuyết thiếu “must” không thêm “s”

B. mustn't + V(nguyên thể): cấm làm gì

C. should + V(nguyên thể): nên làm gì

D. shouldn't + V(nguyên thể): không nên làm gì

Tạm dịch: Linh bị sốt sau khi đi tiêm phòng. Hôm nay, cô ấy phải có một ngày nghỉ.

Đáp án C.

9.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. more: nhiều hơn

B. bigger: lớn hơn

C. larger: rộng hơn

D. less: ít hơn

Tạm dịch: Nhà càng lớn thì càng cần nhiều đồ đạc.

Đáp án A.

10.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

A. should + V(nguyên thể): nên làm gì

B. shouldn't + V(nguyên thể): không nên làm gì

C. mustn't + V(nguyên thể): cấm làm gì

D. do (v): làm, hành động

Tạm dịch: Nếu bạn đi bộ đường dài, bạn nên đi một đôi giày tốt thay vì đôi dép đó.

Đáp án A.

11.

Kiến thức: Từ định lượng

Giải thích:

A. a + N(đếm được, số ít): một

B. an + N(đếm được, số ít, bắt đầu bằng nguyên âm): một

C. any + N: bất kỳ cái gì (dùng trong câu phủ định, nghi vấn)

D. some + N: một vài

Tạm dịch: Không có một chút đường nào trong lọ. Bạn có thể đi mua cho tôi một ít được không?

Đáp án C.

12.

Kiến thức: Từ định lượng

Giải thích:

A. a + N(đếm được, số ít): một

B. an + N(đếm được, số ít, bắt đầu bằng nguyên âm): một

C. any + N: bất kỳ cái gì (dùng trong câu phủ định, nghi vấn)

D. some + N: một vài

Tạm dịch: Có một số hoa trong vườn. Đó là món quà của bố tôi dành cho mẹ tôi nhân ngày sinh nhật.

Đáp án D.

13.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Dấu hiệu: "but today" (nhưng hôm nay) => động từ chia thì hiện tại tiếp diễn

Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói hoặc xung quanh thời điểm nói.

Công thức: S + am/is/are + Ving.

Tạm dịch: Mike luôn đạp xe đến trường nhưng hôm nay anh ấy đang đi bộ với chúng tôi.

Đáp án D.

14.

Kiến thức: Từ nghi vấn

Giải thích:

A. How far: Bao xa

B. How: Như thế nào

C. What: Cái gì

D. How many + N(đếm được, số nhiều): Bao nhiêu

Tạm dịch: "Từ nhà đến trường của bạn bao xa?" - "Khoảng 3 km."

Đáp án A.

15.

Kiến thức: Từ nghi vấn

Giải thích:

A. How much + N(không đếm được): Bao nhiêu

B. How: Như thế nào

C. What: Cái gì

D. How many + N(đếm được, số nhiều): Bao nhiêu

Do “oranges” (quả cam) là danh từ đếm được số nhiều

Tạm dịch: "Kate, bạn cần bao nhiêu quả cam?" - Khoảng năm quả.

Đáp án D.

16.

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

Công thức so sánh hơn với trạng từ: S + V + adv-er/more adv + than + N/Pronoun.

early (adv): sớm – earlier (dạng so sánh hơn)

Tạm dịch: Cô ấy đến sớm hơn tôi.

Đáp án A.

17.

Kiến thức: So sánh hơn

Giải thích:

Công thức so sánh hơn với tính từ: S + to be + adj-er/more adj + than + N/Pronoun.

Trường hợp bất quy tắc: bad – worse – the worst

Tạm dịch: Con đau đầu của anh ấy bây giờ còn tệ hơn ngày hôm qua.

Đáp án B.

18.

Kiến thức: Giới từ

Giải thích: Dùng “at” khi có số nhà cụ thể đi kèm tên đường

Tạm dịch: Căn hộ của tôi ở số 23 đường Nguyễn Minh Khai.

Đáp án B.

19.

Kiến thức: Giới từ

Giải thích: from A to B: từ A đến B

Tạm dịch: Chúng tôi mất bây giờ để đi từ thành phố này đến quê của anh ấy.

Đáp án C.

20.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn

Giải thích:

Dấu hiệu: “now” (bây giờ) => động từ chia thì hiện tại tiếp diễn

Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói hoặc xung quanh thời điểm nói.

Công thức: S + am/is/are + Ving.

play (v): chơi

do (v): làm, hành động

Tạm dịch: Anh trai tôi đang chơi bóng với bạn bè của anh ấy ở công viên.

Đáp án B.

21.

Kiến thức: Từ định lượng

Giải thích:

A. many + + N(đếm được, số nhiều): nhiều

B. some + N: nhiều

C. a lot of + N: nhiều

D. much + N(không đếm được): nhiều

It has **(21) a lot** of beautiful mountains, rivers and beaches.

Tạm dịch: Việt Nam có rất nhiều núi, sông và bãi biển đẹp.

Đáp án C.

22.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. They: Họ (đóng vai trò làm chủ ngữ)

B. Their + N: của họ

C. They're = They are

D. There: ở đó

(22) There are two long rivers: the Red River in the north and the Mekong River

Tạm dịch: Có hai con sông dài: sông Hồng ở phía bắc và sông Cửu Long

Đáp án D.

23.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. south: phía nam

B. east: phía đông

C. west: phía tây

D. north: phía bắc

There are two long rivers: the Red River in the north and the Mekong River in the **(23) south**.

Tạm dịch: Có hai con sông dài: sông Hồng ở phía bắc và sông Cửu Long ở phía nam.

Đáp án A.

24.

Kiến thức: So sánh hơn nhất

Giải thích:

Công thức so sánh hơn nhất: S + to be + the adj-est/ most adj + N.

The Mekong River is the (24) **longest** river in the South-East Asia and of course it is longer than the Red River.

Tạm dịch: Sông Cửu Long là con sông dài nhất Đông Nam Á và tất nhiên nó dài hơn sông Hồng.

Đáp án B.

25.

Kiến thức: So sánh hơn nhất

Giải thích:

Công thức so sánh hơn nhất: S + to be + the adj-est/ most adj + N.

Fansipan is (25) **the highest** mountain in Viet Nam.

Tạm dịch: Fansipan là đỉnh núi cao nhất Việt Nam.

Đáp án D.

Dịch bài đọc:

Việt Nam thuộc Đông Nam Á. Việt Nam có rất nhiều núi, sông và bãi biển đẹp. Có hai con sông dài: sông Hồng ở phía bắc và sông Cửu Long ở phía nam. Sông Cửu Long là con sông dài nhất Đông Nam Á và tất nhiên nó dài hơn sông Hồng. Fansipan là đỉnh núi cao nhất Việt Nam. Nó cao 3143 mét. Việt Nam cũng có nhiều bãi biển đẹp như Trà Cổ, Sầm Sơn, Nha Trang và Vũng Tàu.

26.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

26. Theo tác giả, khu phố _____.

- A. không quá quan trọng đối với mọi người.
- B. đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người.
- C. là nơi tổ tiên chúng ta sinh sống.
- D. phải có nhiều phương tiện.

Thông tin: Neighbourhood is very important and it does definitely have an impact on what we are and how and where we live in.

Tạm dịch: Khu phố rất quan trọng và nó chắc chắn có ảnh hưởng đến việc quyết định xem chúng ta là ai, như thế nào và nơi chúng ta sống sẽ ra sao.

Đáp án B.

27.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "**it**" in đậm chỉ điều gì?

- A. công viên
- B. cơ sở vật chất

C. khu phố của tác giả

D. xã hội

Thông tin: With a good park nearby, making **it** the main attraction, our neighbourhood also has many other added bonuses.

Tạm dịch: Với một công viên tốt gần đó, làm cho nó trở thành điểm thu hút chính, khu phố của chúng tôi cũng có nhiều tiện nghi khác nữa.

Đáp án A.

28.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Điểm thu hút chính của khu phố là gì?

A. bến xe buýt

B. cửa hàng tạp hóa

C. công viên

D. sân chơi

Thông tin: With a good park nearby, making **it** the main attraction, our neighbourhood also has many other added bonuses.

Tạm dịch: Với một công viên tốt gần đó, làm cho nó trở thành điểm thu hút chính, khu phố của chúng tôi cũng có nhiều tiện nghi khác nữa.

Đáp án C.

29.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Khu phố của tác giả có nhiều cơ sở và địa điểm ngoại trừ _____.

A. bến xe buýt

B. cửa hàng tạp hóa

C. công viên

D. rạp chiếu phim

Thông tin: With a good park nearby, making **it** the main attraction, our neighbourhood also has many other added bonuses. The grocery store is nearby which makes it easy for all residents to make an immediate purchase, we have a bus stop close by, so that people do not have to travel long for means of transportation.

Tạm dịch: Với một công viên tốt gần đó, làm cho nó trở thành điểm thu hút chính, khu phố của chúng tôi cũng có nhiều tiện nghi khác nữa. Cửa hàng tạp hóa gần đó giúp mọi người dân dễ dàng mua sắm ngay lập tức, chúng tôi có bến xe buýt gần đó giúp mọi người không phải mất công di chuyển lâu.

Đáp án D.

30.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

_____ gần đó giúp người dân đi lại dễ dàng hơn.

- A. bến xe buýt
- B. cửa hàng tạp hóa
- C. công viên
- D. rạp chiếu phim

Thông tin: The grocery store is nearby which makes it easy for all residents to make an immediate purchase, we have a bus stop close by, so that people do not have to travel long for means of transportation.

Tạm dịch: Cửa hàng tạp hóa gần đó giúp mọi người dân dễ dàng mua sắm ngay lập tức, chúng tôi có bến xe buýt gần đó giúp mọi người không phải mất công di chuyển lâu.

Đáp án A.

Dịch bài đọc:

Tất cả chúng ta đều sống trong một xã hội và tất cả đều gắn bó với một khu phố nhất định. Khu phố rất quan trọng và nó chắc chắn có ảnh hưởng đến việc quyết định xem chúng ta là ai, như thế nào và nơi chúng ta sống sẽ ra sao. Tôi sống trong một khu phố tuyệt vời. Nó rất dễ chịu và có nhiều tiện nghi. Với một công viên tốt gần đó, làm cho nó trở thành điểm thu hút chính, khu phố của chúng tôi cũng có nhiều tiện nghi khác nữa. Cửa hàng tạp hóa gần đó giúp mọi người dân dễ dàng mua sắm ngay lập tức, chúng tôi có bến xe buýt gần đó giúp mọi người không phải mất công di chuyển lâu. Công viên là thứ làm cho khu phố đẹp hơn rất nhiều vì nó được duy trì tốt và làm cho nó trở thành nơi tụ tập của tất cả những người hàng xóm của tôi vào buổi tối để trò chuyện và trở thành chỗ vui chơi cho bọn trẻ. Có không khí tốt và chúng tôi tận hưởng những buổi tối khi chúng tôi ở công viên này.

31.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

forget (v): quên

unforgettable (adj): không thể quên được, đáng nhớ

Dấu hiệu: trước danh từ “experience” (kinh nghiệm) cần một tính từ

Tạm dịch: Một chuyến đi đến Fan Si Pan là một trải nghiệm đáng nhớ.

Đáp án: unforgettable.

32.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

rain (n/v): cơn mưa/ mưa

rainy (adj): có mưa

Dấu hiệu: sau động từ “to be” cần một tính từ

Tạm dịch: Bạn phải mang theo ô vì ở Mũi Né vào thời điểm này trong năm trời rất hay mưa.

Đáp án: rainy.

33.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

fast (adj): nhanh

S + to be + one of the + adj-est/ most adj + N: một trong những cái gì nhất ...

Tạm dịch: Sư tử là một trong những loài động vật sống trên cạn nhanh nhất.

Đáp án: the fastest.

34.

Kiến thức: Từ loại

Giải thích:

colour (n): màu sắc

colourful (adj): đầy màu sắc

Dấu hiệu: sau động từ “to be” cần một tính từ

Tạm dịch: Một con bướm có nhiều màu sắc hơn một con khi.

Đáp án: colourful.

35.

Kiến thức: So sánh hơn nhất

Giải thích:

Công thức so sánh hơn nhất: S + to be + the adj-est/ most adj + N.

Trường hợp bất quy tắc: bad – worse – the worst

Tạm dịch: Đi bộ băng qua sa mạc là trải nghiệm tồi tệ nhất mà tôi từng trải qua.

Đáp án: the worst.

36.

Kiến thức: So sánh hơn nhất

Giải thích: Công thức so sánh hơn nhất: S + to be + the adj-est/ most adj + N.

Tạm dịch: Sông Nile dài hơn bất kỳ con sông nào trên thế giới.

= Sông Nile là con sông dài nhất thế giới.

Đáp án: The Nile is the longest river in the world.

37.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích: should + V(nguyên thể): nên làm gì

Tạm dịch: Mọi người trao nhau những câu chúc vào dịp Tết là điều tốt.

= Mọi người nên trao nhau những câu chúc vào dịp Tết

Đáp án: People should exchange New Year’s wishes at Tet.

38.

Kiến thức: So sánh hơn**Giải thích:** Công thức so sánh hơn với tính từ: S + to be + adj-er/more adj + than + N/Pronoun.**Tạm dịch:** Lâu đài Leeds là lâu đài đáng yêu nhất trên thế giới.

= Không có lâu đài nào trên thế giới này đáng yêu hơn lâu đài Leeds.

Đáp án: No castle in the world is lovelier than Leeds castle.

39.

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

There is + a/an + N(số ít): có những cái gì

Tạm dịch: Phòng của bố mẹ tôi có bàn, ghế, giường lớn và máy vi tính.

= Có một cái bàn, ghế, một cái giường lớn và một cái máy tính trong phòng của bố mẹ tôi.

Đáp án: There is a desk, chairs, a big bed and a computer in my parents' room.

40.

Kiến thức: Thì hiện tại tiếp diễn**Giải thích:**

Thì hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả một hành động đang xảy ra tại thời điểm nói hoặc xung quanh thời điểm nói.

Công thức: S + am/is/are + V-ing.

Thì hiện tại tiếp diễn còn nói về một kế hoạch đã được định sẵn trong tương lai gần.

Tạm dịch: Chúng tôi có kế hoạch về thăm quê bạn vào cuối tuần tới.**Đáp án:** We are planning to visit your hometown next weekend.